

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VINH YÊN
TỈNH VINH PHÚC**

Bản án số: 28/2017/DS-ST

Ngày 28 tháng 9 năm 2017

“V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH YÊN, TỈNH VINH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Vân Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Hằng và ông Nguyễn Tiến Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Quang Đại, Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Vinh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST - DS ngày 09 tháng 3 năm 2017, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2017/QĐST - DS ngày 28 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần V(viết tắt là V); địa chỉ: Tầng 1-7, tòa nhà T, số 72, phố T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hiền T -Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - khối tín dụng tiêu dùng- Ngân hàng Thương mại cổ phần V (Văn bản ủy quyền số 16/2016/UQ-CT ngày 10 tháng 8 năm 2016).

Người được ủy quyền lại: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1992; địa chỉ: Thị trấn G, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc (Văn bản ủy quyền số: 210/2017/UQ-GĐK-TDTD ngày 24/01/2017, có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân A, sinh năm 1990; nơi cư trú: Khu hành chính 3, phường L, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2017 và quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Chị Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 12/3/2014, anh Nguyễn Xuân A có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần V (viết tắt là V) để vay số tiền 36.750.000đ; mục đích vay là tiêu dùng cá nhân; hình thức vay tín chấp và không có tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận giữa hai bên thì lãi suất tiền vay là 2,91%/tháng; phương thức trả nợ chậm trong vòng 30 tháng. Tổng số tiền anh A phải thanh toán cả gốc và lãi là 55.642.000đ; cụ thể: Trong 29 tháng đầu mỗi tháng anh A phải trả số tiền 1.855.000đ, tháng cuối cùng trả 1.847.000đ; kỳ thanh toán vào ngày 19 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 19/4/2014. Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh A đã nhận đủ tiền vay. Đến kỳ trả nợ, anh A đã trả được 14 lần với số tiền là 25.926.000đ (trong đó có 13.261.421đ tiền gốc và 12.664.579 tiền lãi). Tổng số tiền anh A còn nợ V là 29.716.000 đ (trong đó tiền gốc là 23.488.579đ, tiền lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 19/9/2016) là 6.227.421đ). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh A tiếp tục thanh toán cho V tổng số tiền là 8.000.000đ (ngày 18/01/2017 thanh toán 3.000.000đ và ngày 16/5/2017 thanh toán 5.000.000đ) nhưng xin trừ vào số tiền nợ gốc và được Ngân hàng đồng ý. Nay V yêu cầu Tòa án buộc anh A phải trả toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi trong hạn hợp đồng là 21.716.000đ (trong đó gốc 15.488.579đ, lãi 6.227.421đ). Ngoài ra, V không có yêu cầu gì đối với các khoản lãi, phạt phát sinh từ thời điểm hết hạn hợp đồng tín dụng ngày 19/9/2016 cho đến ngày xét xử.

Bị đơn, Anh Nguyễn Xuân A đã nhận thông báo thụ lý vụ án, sau đó Tòa án đã tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng của Tòa án nhiều lần cho anh A nhưng anh A không đến Tòa án để làm việc. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hòa giải theo quy định của pháp luật mà chỉ mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho anh A. Tuy nhiên, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án Nguyễn Xuân A tiếp tục thanh toán cho V 02 lần với tổng số tiền là 8.000.000đ (lần 1 vào ngày 18/01/2017 thanh toán 3.000.000đ và lần 2 vào ngày 16/5/2017 thanh toán 5.000.000đ).

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án buộc anh A phải trả toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi tính đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 19/9/2016) là 21.716.000đ, không đề

ngộ tính các khoản lãi, phạt phát sinh từ thời điểm hết hạn hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử. Đối với khoản lãi suất chậm trả đề nghị áp dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án xác định đúng quan hệ pháp luật, tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và bảo đảm thời hạn chuẩn bị xét xử. Về sự vắng mặt của bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị giải quyết về phần án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hai bên ký kết hợp đồng tín dụng với mục đích vay tiêu dùng cá nhân nên đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với anh Nguyễn Xuân A.

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Xuân A đã biết được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng theo đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V, nhưng bị đơn không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án, cố tình không lên Tòa để làm việc nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hòa giải được mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án anh A đã tiếp tục trả nợ cho V 2 lần với tổng số tiền 8.000.000đ. Việc anh A cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc anh đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn anh Nguyễn Xuân A đến lần thứ hai nhưng anh vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về áp dụng pháp luật: Quan hệ vay tài sản giữa các bên phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng, thời điểm ký kết và phát sinh quyền và nghĩa vụ là năm 2014 đến ngày 19/9/2016 là ngày hết hạn hợp đồng. Vì vậy, pháp luật được áp dụng giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về nội dung vụ án, xét thấy: Giữa V với anh Nguyễn Xuân A có ký hợp đồng tín dụng số 20140317-129006-0001 ngày 15/03/2014, theo đó V cho anh Avay số tiền 36.750.000đ với lãi suất, mục đích vay, hình thức, phương thức trả nợ như các bên đã trình bày cụ thể ở trên. Hợp đồng trên là hợp pháp để các bên thực hiện, kể cả việc thỏa thuận giữa các bên về mức lãi suất 2,91%/tháng vì theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định: “Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất...” và theo quy định tại Điều 1, Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định: “Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng...”. Do vậy, việc thỏa thuận giữa Ngân hàng và anh A về mức lãi suất trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật.

Sau khi ký Hợp đồng tín dụng, anh A đã nhận đủ tiền vay nhưng đến kỳ trả nợ anh A đã trả được 14 lần với số tiền là 25.926.000đ (trong đó có 13.261.421đ tiền gốc và 12.664.579 tiền lãi). Tổng số tiền anh A còn nợ V là 29.716.000 đ (trong đó tiền gốc là 23.488.579đ, tiền lãi trong hạn theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày hết hạn hợp đồng, ngày 19/9/2016 là 6.227.421đ). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết tại Tòa án, anh A tiếp tục thanh toán cho V tổng số tiền là 8.000.000đ (ngày 18/01/2017 thanh toán 3.000.000đ và ngày 16/5/2017 thanh toán 5.000.000đ) nhưng xin trừ vào số tiền nợ gốc và được Ngân hàng đồng ý, còn lại không trả được tiền gốc và lãi theo thỏa thuận. Như vậy, bên vay là bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng và cam kết theo thỏa thuận. Do đó, V yêu cầu buộc anh A phải trả toàn bộ số tiền vay cả gốc và lãi tính đến ngày hết hạn hợp đồng (ngày 19/9/2016) là 21.716.000đ (trong đó gốc 15.488.579đ, lãi 6.227.421đ), không đề nghị tính các khoản lãi, phạt phát sinh từ thời điểm hết hạn hợp đồng tín dụng đến ngày xét xử là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với khoản lãi suất chậm trả các đương sự thống nhất không áp dụng lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng mà đề nghị áp

dụng mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ cần chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí theo giá ngạch đối với nghĩa vụ phải thực hiện là 1.085.800đ (21.716.000 x 5%). V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại V số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 471, Điều 474, Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc anh Nguyễn Xuân A có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V tổng số tiền là 21.716.000đ. Trong đó số tiền gốc 15.488.579đ; tiền lãi trong hạn là 6.227.421đ.

Kể từ ngày Ngân hàng thương mại cổ phần V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Xuân A không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất 20%/năm của số tiền chưa trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Xuân A phải chịu 1.085.800đ. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2014/0004845 ngày 02/3/2017, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Vĩnh Yên;
- Chi cục THADS thành phố Vĩnh Yên;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa****Vũ Thị Vân Hồng****Các Hội thẩm nhân dân****Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Bùi Thị Thu Hằng- Nguyễn Tiến Thịnh

Vũ Thị Vân Hồng